

Tên sản phẩm: MOBILECT 44
Ngày sửa đổi: 11 Tháng Mười Một 2020
Trang 1 thuộc 12

BẢN THÔNG TIN AN TOÀN

MỤC 1

DANH TÍNH SẢN PHẨM VÀ CÔNG TY

SẢN PHẨM

Tên sản phẩm: **MOBILECT 44**
Mô tả sản phẩm: Các Dầu Gốc Đã Được Xử Lý Cẩn Thận
Mã sản phẩm.: 201560D01030, 702274
Sử dụng đúng mục đích: Vật liệu cách điện

DANH TÍNH CÔNG TY

Nhà sản xuất / Nhà cung cấp: **ExxonMobil Asia Pacific Pte. Ltd (Mã Công Ty: 196800312N)**
Căn 1 Harbour Front
Số 06-00 Tòa Nhà Harbour Front Số Một 098633 Singapore

Cấp Cứu Y Tế 24/24 giờ +1 703-253-4229/+1 703-527-3887
Thông tin liên hệ tổng quát về nhà cung cấp (65) 6885 8000/86-21-24076000

Nhà cung cấp: **CÔNG TY TNHH EQUATOR**
146 - 148 đường Khánh Hội
Phường 6, Quận 4, Thành Phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Thông tin liên hệ tổng quát về nhà cung cấp +84 8 3940 6411

Nhà cung cấp: **Công ty TNHH Thương Mại và Dịch Vụ Nam Giang**
202 Hoàng Văn Thụ
Phường 9, Quận Phú Nhuận
Thành Phố Hồ Chí Minh Việt Nam

Thông tin liên hệ tổng quát về nhà cung cấp +84 28 73024500

Nhà cung cấp: **Công ty Cổ phần Dầu khí Quốc tế PAN**
53 đường Hoàng Quốc Việt
Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy
Hà Nội Việt Nam

Thông tin liên hệ tổng quát về nhà cung cấp +84 24 32123939

MỤC 2

NHẬN DIỆN CÁC MỐI NGUY HIỂM

Vật liệu này được xem là nguy hiểm theo hướng dẫn quy định (xem BẢN THÔNG TIN AN TOÀN (VẬT LIỆU) Mục 15).

PHÂN LOẠI:

Chất độc hít phải qua miệng: Nhóm 1.

NHÃN:

Ký hiệu:

Tên sản phẩm: MOBILECT 44
 Ngày sửa đổi: 11 Tháng Mười Một 2020
 Trang 2 thuộc 12



Từ Cảnh Báo: Nguy hiểm

Các Công Bố Về Mối Nguy Hiểm:

Sức Khỏe: H304: Có thể nguy hiểm đến tính mạng khi nuốt phải và xâm nhập vào đường hô hấp.

Thông Điệp Đề Phòng:

Đối phó: P301 + P310: **NẾU NUỐT PHẢI:** Gọi ngay lập tức cho một **TRUNG TÂM ĐỘC CHẤT** hoặc bác sĩ.
 P331: **KHÔNG** gây nôn.
 Bảo Quản: P405: Bảo quản khóa chặt.
 Thải bỏ: P501: Thải bỏ các phần chứa bên trong và dụng cụ đựng theo các quy định của địa phương.

Thông tin khác về mối nguy hiểm:

CÁC HIỂM HỌA VỀ MẶT VẬT LÝ/HÓA HỌC
 Không có mối nguy hiểm nào đáng kể

CÁC HIỂM HỌA CHO SỨC KHỎE
 Chích ép mạnh vào dưới da có thể gây tổn thương nặng. Tiếp xúc quá nhiều có thể dẫn đến bị kích ứng mắt, da hoặc đường hô hấp.

CÁC HIỂM HỌA CHO MÔI TRƯỜNG
 Không có mối nguy hiểm nào đáng kể

LƯU Ý: Không được dùng vật liệu này ngoài mục đích sử dụng được đề cập đến trong Mục 1 mà không có ý kiến của chuyên gia. Các nghiên cứu về sức khỏe cho thấy rằng việc tiếp xúc với hóa chất có thể gây ra các rủi ro tiềm ẩn cho sức khỏe con người và biểu hiện khác nhau trên mỗi người.

MỤC 3 THÀNH PHẦN CẤU TẠO / THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN

Vật liệu này được định nghĩa là một hỗn hợp

(Các) Chất Nguy Hiểm hoặc (các) Chất Phức Tạp cần phải công bố

| Tên | Mã số thông tin cơ bản CAS của hóa chất# | Hàm lượng Nồng độ* | Các Mã về Mối Nguy Hiểm theo GHS |
|--|--|--------------------|------------------------------------|
| 2,6-DI-TERT-BUTYL-P-CRESOL | 128-37-0 | 0.1 - < 1% | H400(M factor 1), H410(M factor 1) |
| PHÂN CẮT NAPTEN NHẸ (DẦU MỎ) NHẸ, ĐÃ ĐƯỢC XỬ LÝ BẰNG HYDRO | 64742-53-6 | 60 - < 70% | H304 |
| PHÂN CẮT NHẸ PARAFIN, DẦU MỎ ĐÃ ĐƯỢC XỬ LÝ VỚI | 64742-55-8 | 30 - < 40% | H304 |

Tên sản phẩm: MOBILECT 44
Ngày sửa đổi: 11 Tháng Mười Một 2020
Trang 3 thuộc 12

HYDRO

*Mọi nồng độ đều được tính theo phần trăm khối lượng trừ khi vật liệu là chất khí. Nồng độ các chất khí được tính theo phần trăm thể tích.

MỤC 4

CÁC BIỆN PHÁP CẤP CỨU

HÍT VÀO

Đưa ngay ra khỏi môi trường tiếp xúc. Đối với những người cứu hộ, tránh tiếp xúc cho cả bản thân mình hoặc cho người khác. Dùng các biện pháp thỏa đáng để bảo vệ đường hô hấp. Nếu bị kích ứng đường hô hấp, chóng mặt, buồn nôn, hoặc bất tỉnh xảy ra, tìm gặp y bác sĩ ngay. Nếu nạn nhân bị ngưng thở, dùng thiết bị cơ học để làm thông khí hoặc dùng biện pháp hô hấp nhân tạo miệng qua miệng.

TIẾP XÚC VỚI DA

Rửa các vùng bị tiếp xúc với nước và xà phòng. Cởi bỏ quần áo đã bị ô nhiễm. Giặt sạch quần áo ô nhiễm rồi mới được dùng lại. Nếu chích sản phẩm vào da hoặc dưới da, hoặc vào bất kỳ bộ phận nào của cơ thể, bất kể diện mạo hoặc kích cỡ vết thương ra sao, người đó phải được y bác sĩ nhận định ngay lập tức là trường hợp phẫu thuật cấp cứu. Dù các triệu chứng ban đầu do chích ép mạnh là có thể rất ít hoặc không có, việc điều trị phẫu thuật sớm trong vòng vài giờ đầu tiên có thể giảm đáng kể mức độ thương tật cuối cùng.

TIẾP XÚC VỚI MẮT

Súc rửa thật kỹ với nước. Nếu bị kích ứng, tìm gặp y bác sĩ.

ĂN VÀO

Tìm gặp y bác sĩ ngay lập tức. Không gây nôn mửa.

Y BÁC SĨ CẦN CHÚ Ý

Nếu ăn phải, vật liệu có thể bị hít vào phổi và gây ra viêm phổi do hóa chất. Điều trị bằng biện pháp thích hợp.

MỤC 5

CÁC BIỆN PHÁP CHỮA CHÁY

CHẤT DẬP LỬA

Chất dập lửa phù hợp: Sử dụng nước phun sương, bột, hóa chất khô hay cacbon-di-oxyt để dập lửa.

Chất dập lửa không phù hợp: Các dòng nước thẳng

CHỮA CHÁY

Hướng dẫn chữa cháy: khu vực sơ tán. Ngăn ngừa các chất thất thoát do hoạt động chữa cháy xâm nhập vào sông rạch, cống rãnh, hoặc nguồn nước uống. Người chữa cháy phải sử dụng trang bị bảo hộ tiêu chuẩn và khi ở các khu vực kín, phải dùng thiết bị thở tự điều khiển. Dùng nước xịt làm nguội các bề mặt nóng do tiếp xúc với lửa và để bảo vệ người.

Các sản phẩm cháy gây nguy hiểm: Các Andehyt, Các sản phẩm cháy không hoàn toàn, Các oxyt của cacbon, Khí, Các oxyt lưu huỳnh

CÁC TÍNH CHẤT GÂY CHÁY

Điểm bốc cháy [Phương pháp]: >135°C (275°F) [Tiêu chuẩn ASTM D-93]

Các giới hạn bắt cháy (xấp xỉ phần trăm theo thể tích trong không khí): Giới hạn tiếp xúc dưới: 0.9
Giới hạn tiếp xúc trên: 7.0

Nhiệt độ tự bốc cháy: >270°C (518°F)

MỤC 6

CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ SỰ CÓ RÒ RỈ BẤT NGỜ

CÁC QUI TRÌNH THÔNG BÁO

Trong trường hợp có sự cố tràn đổ hoặc rò rỉ, báo cáo cho các cấp có thẩm quyền liên quan theo tất cả các qui định hiện hành.

CÁC BIỆN PHÁP BẢO VỆ

Tránh tiếp xúc với vật liệu tràn đổ. Cảnh báo hoặc di tản cư dân xung quanh và những vùng cuối chiều gió nếu cần vì vật liệu có tính độc hại và dễ cháy. Xem Mục 5 về chữa cháy. Xem Mục Nhận Diện Các Mối Nguy Hiểm để biết về Các Hiểm Họa Quan Trọng. Xem Mục 4 về Những Điều Cần Làm Khi Cấp Cứu. Xem Mục 8 để được hướng dẫn về các yêu cầu tối thiểu của trang bị bảo hộ cá nhân. Có thể cần dùng các biện pháp bảo vệ bổ sung, tùy thuộc vào tình trạng cụ thể và/hoặc đánh giá chuyên môn của các nhân viên ứng cứu khẩn cấp.

Cho các nhân viên cấp cứu: Bảo vệ đường hô hấp: Chỉ cần bảo vệ đường hô hấp trong những trường hợp đặc biệt, ví dụ hình thành sương. Sử dụng mặt nạ phòng độc che nửa mặt hoặc toàn mặt có bộ lọc bụi/hơi hữu cơ hoặc có thể sử dụng Thiết Bị Thở Độc Lập (SCBA) tùy thuộc vào khối lượng bị tràn đổ và mức độ có thể bị tiếp xúc. Khi không thể xác định được đầy đủ các đặc điểm của việc tiếp xúc hay khi có thể gặp hoặc dự kiến sẽ gặp tình trạng thiếu oxy trong không khí, nên sử dụng SCBA. Nên dùng găng bảo hộ chịu được hydrocacbon. Găng tay làm bằng polyvinyl axetat (PVA) không chịu được nước và không thích hợp để sử dụng cho trường hợp khẩn cấp. Nên sử dụng kính mắt chống hóa chất nếu có thể bị văng vào mắt hoặc tiếp xúc với mắt. Lượng tràn đổ nhỏ: Trang phục bảo hộ chống tĩnh điện thông thường thường cũng tốt. Lượng tràn đổ lớn: nên sử dụng bộ áo liền quần làm bằng vải chống tĩnh điện.

XỬ LÝ TRÀN ĐỔ

Tràn đổ xuống đất: Chặn ngay rò rỉ nếu bạn có thể thực hiện mà không gặp rủi ro. Thu hồi bằng cách bơm hoặc bằng cách dùng chất hấp thụ thích hợp

Tràn đổ nước: Chặn ngay rò rỉ nếu bạn có thể thực hiện mà không gặp rủi ro. khoanh vùng giới hạn lượng tràn đổ ngay lập tức bằng rào phao nổi. Cảnh báo các phương thức vận chuyển khác. Loại bỏ khỏi bề mặt bằng cách hút văng hoặc dùng chất hấp thụ thích hợp. Hỏi ý kiến chuyên gia trước khi dùng các tác chất phân tán.

Các khuyến nghị trong trường hợp tràn đổ xuống nước hoặc đất là dựa trên cơ sở tình huống tràn đổ thường gặp nhất đối với vật liệu này, tuy nhiên, điều kiện địa lý, gió, nhiệt độ, (và trong trường hợp tràn đổ xuống nước) sóng và chiều dòng nước cùng tốc độ nước có thể ảnh hưởng lớn trong việc xác định hành động khắc phục cho phù hợp. Vì lý do đó, cần tham khảo ý kiến của các chuyên gia ở địa phương. Chú ý: Các qui định ở địa phương có thể mô tả hoặc giới hạn hành động khắc phục cần thực hiện.

ĐỀ PHÒNG VỀ MẶT MÔI TRƯỜNG

Lượng tràn đổ lớn: Đào mương xung quanh ngăn chặn thật sớm lượng chất lỏng tràn đổ để thu gom xử lý phục hồi hoặc loại bỏ sau này. Ngăn ngừa xâm nhập vào sông rạch, cống rãnh, tầng hầm nhà hoặc các khu vực giới hạn.

MỤC 7

THAO TÁC VÀ BẢO QUẢN

THAO TÁC

Tránh tiếp xúc với da. Tránh không làm tràn đổ ra ngoài những lượng nhỏ hoặc làm rò rỉ để tránh nguy cơ trượt té. Vật liệu có thể tích tĩnh điện gây ra tia lửa điện (nguồn lửa). Khi thao tác với vật liệu ở số lượng lớn, tia lửa có thể gây bốc cháy bất kỳ hơi dễ cháy nào sinh ra từ các chất lỏng hoặc cặn dư có thể đang hiện diện (ví dụ,

Tên sản phẩm: MOBILECT 44

Ngày sửa đổi: 11 Tháng Mười Một 2020

Trang 5 thuộc 12

trong các thao tác trộn lẫn các loại vật liệu khác nhau – switch loading). Sử dụng các quy trình phù hợp để kết nối và tiếp đất chống phóng điện. Tuy nhiên, kết nối và tiếp đất cũng có thể không loại bỏ được nguy cơ tích tĩnh điện. Xin tham khảo các tiêu chuẩn hiện hành của địa phương để được hướng dẫn. Các nơi có thể cung cấp tài liệu tham khảo thêm bao gồm Viện Dầu Mỏ Hoa Kỳ - American Petroleum Institute 2003 (Bảo Vệ Chống Bốc Cháy Do Tĩnh Điện, Sét Đánh và Các Dòng Điện Khác - Protection Against Ignitions Arising out of Static, Lightning and Stray Currents) hoặc Cơ Quan Bảo Vệ Chống Hỏa Hoạn Quốc Gia - National Fire Protection Agency 77 (Biện Pháp Thực Hành Nên Dùng để chống Tĩnh Điện-Recommended Practice on Static Electricity) hoặc CENELEC CLC/TR 50404 (Tĩnh điện – Quy định thực hành tránh các hiểm họa tĩnh điện [Electrostatics - Code of practice for the avoidance of hazards due to static electricity]).

Chất có khả năng tích tĩnh điện: Vật liệu này là chất có khả năng tích tĩnh điện.

BẢO QUẢN

Loại dụng cụ đựng để chứa vật liệu này có thể ảnh hưởng đến hoạt động tích và giải tĩnh điện. Không đựng trong các dụng cụ đựng hở hoặc không có nhãn. Không đựng trong các dụng cụ đựng hở hoặc không có nhãn.

MỤC 8

KIỂM SOÁT VIỆC TIẾP XÚC / BẢO HỘ CÁ NHÂN

Các chỉ số giới hạn/tiêu chuẩn tiếp xúc (Chú ý: các chỉ số giới hạn không phải là phần bổ sung)

| Tên hóa chất | Dạng | Giới hạn/Tiêu chuẩn | Chú ý: | Nguồn | Năm |
|--|-----------------------------|---|----------------------|-------|--|
| 2,6-DI-TERT-BUTYL-P-CRESOL | Phân có thể hít phải và hơi | Nồng độ bình quân có thể tiếp xúc trong một thời gian (thường là 8 giờ) | 2 mg/m ³ | | HỘI CÁC NHÀ VỆ SINH CÔNG NGHIỆP CỦA CHÍNH PHỦ HOA KỲ 2020 |
| PHÂN CẮT NAPTEN NHẹ (DẦU MỎ) NHẹ, ĐÃ ĐƯỢC XỬ LÝ BẰNG HYDRO | Sương. | GIỚI HẠN TIẾP XÚC THỜI GIAN NGẮN | 10 mg/m ³ | | Các Giới Hạn Tiếp Xúc Nghề Nghiệp (OEL) của Việt Nam 2019 |
| PHÂN CẮT NAPTEN NHẹ (DẦU MỎ) NHẹ, ĐÃ ĐƯỢC XỬ LÝ BẰNG HYDRO | Sương. | Nồng độ bình quân có thể tiếp xúc trong một thời gian (thường là 8 giờ) | 5 mg/m ³ | | Các Giới Hạn Tiếp Xúc Nghề Nghiệp (OEL) của Việt Nam 2019 |
| PHÂN CẮT NAPTEN NHẹ (DẦU MỎ) NHẹ, ĐÃ ĐƯỢC XỬ LÝ BẰNG HYDRO | Phân có thể hít phải. | Nồng độ bình quân có thể tiếp xúc | 5 mg/m ³ | | HỘI CÁC NHÀ VỆ SINH CÔNG NGHIỆP CỦA CHÍNH 2020 |

Tên sản phẩm: MOBILECT 44

Ngày sửa đổi: 11 Tháng Mười Một 2020

Trang 6 thuộc 12

| | | | | | | | |
|--|-----------------------|---|----------------------|--|--|--|------|
| | | trong một thời gian (thường là 8 giờ) | | | | PHỦ HOA KỲ | |
| PHẦN CẮT NHẹ PARAFIN, DẦU MỎ ĐÃ ĐƯỢC XỬ LÝ VỚI HYDRO | Sương. | GIỚI HẠN TIẾP XÚC THỜI GIAN NGẮN | 10 mg/m ³ | | | Các Giới Hạn Tiếp Xúc Nghề Nghiệp (OEL) của Việt Nam | 2019 |
| PHẦN CẮT NHẹ PARAFIN, DẦU MỎ ĐÃ ĐƯỢC XỬ LÝ VỚI HYDRO | Sương. | Nồng độ bình quân có thể tiếp xúc trong một thời gian (thường là 8 giờ) | 5 mg/m ³ | | | Các Giới Hạn Tiếp Xúc Nghề Nghiệp (OEL) của Việt Nam | 2019 |
| PHẦN CẮT NHẹ PARAFIN, DẦU MỎ ĐÃ ĐƯỢC XỬ LÝ VỚI HYDRO | Phần có thể hít phải. | Nồng độ bình quân có thể tiếp xúc trong một thời gian (thường là 8 giờ) | 5 mg/m ³ | | | HỘI CÁC NHÀ VỆ SINH CÔNG NGHIỆP CỦA CHÍNH PHỦ HOA KỲ | 2020 |

Các giới hạn / tiêu chuẩn về tiếp xúc với các vật liệu tạo thành trong quá trình thao tác với sản phẩm này:
 Khi có sương/khí dung xuất hiện, nên sử dụng : 5 mg/m³ - Ngưỡng giới hạn (TLV) của ACGIH (phần có thể hít).

CHÚ Ý: Các giới hạn/tiêu chuẩn chỉ được trình bày với mục đích hướng dẫn. Tuân thủ các quy định hiện hành.

KIỂM SOÁT KỸ THUẬT

Mức độ bảo vệ và các phương pháp kiểm soát cần thiết sẽ khác nhau tùy thuộc vào các điều kiện tiếp xúc có khả năng xảy ra. Các biện pháp kiểm soát cần xem xét là:

Không có yêu cầu đặc biệt nào trong điều kiện sử dụng bình thường và có thông khí đầy đủ.

BẢO HỘ CÁ NHÂN

Việc lựa chọn thiết bị bảo hộ cá nhân thay đổi dựa trên các điều kiện tiếp xúc có thể xảy ra như khi sử dụng, thao tác, nồng độ vật liệu hoặc thông gió. Thông tin về việc lựa chọn thiết bị bảo hộ để sử dụng với vật liệu này, như được cung cấp dưới đây, là dựa trên cách sử dụng bình thường đúng mục đích.

Bảo vệ đường hô hấp: Nếu các biện pháp kiểm soát kỹ thuật không duy trì được nồng độ chất gây ô nhiễm trong không khí ở mức thích hợp để bảo vệ cho sức khỏe công nhân, nên sử dụng mặt nạ phòng độc đã được chấp thuận cho dùng thích hợp. Việc lựa chọn, sử dụng, và bảo trì mặt nạ phòng độc phải tuân theo các yêu cầu qui định nếu có. Các kiểu mặt nạ phòng độc cần xem xét sử dụng cho vật liệu này bao gồm:

Không có yêu cầu đặc biệt nào trong điều kiện sử dụng bình thường và có thông khí đầy đủ. thể hạt

Tên sản phẩm: MOBILECT 44
Ngày sửa đổi: 11 Tháng Mười Một 2020
Trang 7 thuộc 12

Đối với trường hợp nồng độ trong không khí cao, dùng mặt nạ phòng độc cấp khí đã được chấp thuận sử dụng, hoạt động ở chế độ áp suất dương. Mặt nạ phòng độc cấp khí có bình thoát khí có thể thích hợp trong trường hợp lượng Oxy không đủ, thông tin về tính chất độc hại cần lưu ý của chất khí / hơi không đầy đủ, hoặc nếu tốc độ / năng lực tinh lọc không khí kém không đáp ứng nổi

Bảo vệ tay: Thông tin cụ thể về găng tay được cung cấp dựa theo tài liệu công bố và dữ liệu của nhà sản xuất găng tay. Điều kiện làm việc có thể ảnh hưởng rất nhiều đến độ bền của găng tay; kiểm tra và thay thế các găng tay đã hư hỏng hoặc đã mòn. Các kiểu găng tay cần xem xét sử dụng cho vật liệu này bao gồm:

Nếu phải tiếp xúc lâu dài và lặp đi lặp lại, nên sử dụng găng tay chống hóa chất. Nếu phải tiếp xúc với phần căng tay, nên sử dụng loại găng tay dài. Nitril, Nhựa Viton (thường dùng trong trang phục bảo hộ)

Bảo vệ mắt: Nếu có khả năng bị tiếp xúc, nên dùng kính bảo hộ có gờ chắn kín.

Bảo vệ da và cơ thể: Mọi thông tin cụ thể về trang phục bảo hộ được cung cấp dựa theo tài liệu công bố hoặc dữ liệu của nhà sản xuất. Các kiểu trang phục bảo hộ cần xem xét sử dụng với vật liệu này bao gồm:

Nếu phải tiếp xúc lâu dài và lặp đi lặp lại, nên sử dụng quần áo chống hóa chất và chống dầu.

Các biện pháp vệ sinh riêng: Luôn giám sát việc thực hiện tốt các biện pháp vệ sinh cá nhân, như rửa sạch sau khi làm việc với vật liệu và trước khi ăn, uống, và/hoặc hút thuốc. Thường xuyên giặt quần áo và các thiết bị bảo hộ cho sạch các chất gây ô nhiễm. Vứt bỏ quần áo, giày dép đã bị ô nhiễm không thể giặt sạch được. Thực hiện quản lý tốt việc giữ gìn vệ sinh

KIỂM SOÁT VỀ MẶT MÔI TRƯỜNG

Tuân thủ các quy định môi trường hiện hành hạn chế việc phóng thích ra không khí, nước và đất. Bảo vệ môi trường bằng cách áp dụng những biện pháp kiểm soát thích hợp để ngăn chặn hoặc hạn chế việc phát thải.

MỤC 9

TÍNH CHẤT VẬT LÝ VÀ HÓA HỌC

Lưu ý: Các tính chất lý hóa được cung cấp chỉ nhằm mục đích xem xét về an toàn, sức khỏe và môi trường mà thôi, chúng không thể hiện đầy đủ các đặc điểm kỹ thuật của sản phẩm. Xin liên lạc với Nhà Cung Cấp để tìm hiểu thêm.

THÔNG TIN TỔNG QUÁT

Trạng thái vật lý: Chất lỏng
Màu: Không màu đến vàng nhạt
Mùi: Đặc điểm
Ngưỡng phát hiện mùi: KHÔNG XÁC ĐỊNH

THÔNG TIN QUAN TRỌNG VỀ SỨC KHỎE, AN TOÀN, VÀ MÔI TRƯỜNG

Tỷ trọng (ở 15 °C): 0.859
Khả năng cháy (Rắn, Khí): KHÔNG ÁP DỤNG
Điểm bốc cháy [Phương pháp]: >135°C (275°F) [Tiêu chuẩn ASTM D-93]
Các giới hạn bắt cháy (xấp xỉ phần trăm theo thể tích trong không khí): Giới hạn tiếp xúc dưới: 0.9
Giới hạn tiếp xúc trên: 7.0
Nhiệt độ tự bốc cháy: >270°C (518°F)
Điểm sôi / Phạm vi: > 316°C (600°F) [Uoc luong]

Tên sản phẩm: MOBILECT 44
 Ngày sửa đổi: 11 Tháng Mười Một 2020
 Trang 8 thuộc 12

Nhiệt độ phân hủy: >280°C (536°F)
Tỷ khối hơi (không khí = 1): KHÔNG XÁC ĐỊNH
Áp suất hơi: [N/D at 20 °C] | 0.16 kPa (1.2 mm Hg) ở 100°C [Uoc luong]
Tốc độ bay hơi (n-butyl axetat = 1): KHÔNG XÁC ĐỊNH
pH: KHÔNG ÁP DỤNG
Log Pow (hệ số phân tách n-Octanol/nước): > 3.5 [Uoc luong]
Khả năng tan trong nước: Không đáng kể
Độ nhớt: 11.6 CentiStoke (11.6 mm²/giây) ở 40 °C [ISO 3104]
Các Tính Chất Oxy Hóa: Xem phần Nhận Diện Các Mối Nguy Hiểm.

THÔNG TIN KHÁC

Điểm đông: KHÔNG XÁC ĐỊNH
Điểm nóng chảy: KHÔNG ÁP DỤNG
Nhiệt độ rót: -42°C (-44°F) [ISO 3016]
Sản phẩm chiết với tác chất chiết DMSO (di-metyl-sunfoxyt), (chỉ dùng cho dầu khoáng), phương pháp thử nghiệm IP-346: < 3 %tl

MỤC 10 ĐỘ BỀN VÀ KHẢ NĂNG PHẢN ỨNG

ĐỘ BỀN: Vật liệu ổn định trong các điều kiện bình thường.

CÁC ĐIỀU KIỆN CẦN TRÁNH: Nhiệt dư Các nguồn gây cháy giàu năng lượng

CÁC VẬT LIỆU CẦN TRÁNH: Chất Oxy hóa mạnh

CÁC SẢN PHẨM PHÂN HỦY GÂY NGUY HIỂM: Vật liệu không phân hủy ở nhiệt độ môi trường.

KHẢ NĂNG XÂY RA CÁC PHẢN ỨNG NGUY HIỂM: Quá trình polyme hóa sẽ không xảy ra

MỤC 11 THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

THÔNG TIN VỀ CÁC TÁC DỤNG ĐỘC

| Nhóm nguy hiểm | Kết luận / Nhận xét |
|---|--|
| Hít phải | |
| Độ độc cấp tính: (Chuột (rat)) 4 giờ HÂM LƯỢNG BÁN TỬ > 5000 mg/m ³ (Khí dung) | Rất ít độc hại. Dựa trên dữ liệu kiểm tra các vật liệu tương tự về mặt cấu trúc. (các) phương pháp thử nghiệm tương đương hoặc tương tự như Hướng dẫn của OECD (Tổ Chức Hợp Tác và Phát Triển Kinh Tế) 403 |
| Kích ứng: Không có dữ liệu điểm cuối cho vật liệu này. | Nhiệt độ tăng cao hoặc hoạt động cơ học có khả năng tạo ra các thể hơi, sương, hoặc khói có thể gây kích ứng mắt, mũi, họng và phổi. |
| Ăn vào | |
| Độ độc cấp tính (Chuột (rat)): LIỀU BÁN TỬ > 5000 mg/kg | Rất ít độc hại. Dựa trên dữ liệu kiểm tra các vật liệu tương tự về mặt cấu trúc. (các) phương pháp thử nghiệm tương đương hoặc tương tự như Hướng dẫn của OECD (Tổ Chức Hợp Tác và Phát Triển Kinh Tế) 401 |
| Da | |
| Độ độc cấp tính (Thỏ): LIỀU BÁN TỬ > 5000 mg/kg | Rất ít độc hại. Dựa trên dữ liệu kiểm tra các vật liệu tương tự về mặt cấu trúc. (các) phương pháp thử nghiệm tương đương hoặc tương tự như Hướng dẫn của OECD (Tổ Chức Hợp Tác và Phát Triển Kinh Tế) 402 |

Tên sản phẩm: MOBILECT 44
 Ngày sửa đổi: 11 Tháng Mười Một 2020
 Trang 9 thuộc 12

| | |
|---|---|
| Ấn Mòn Da/Kích ứng (Thỏ): Dữ liệu có sẵn | Có thể gây khô da dẫn đến gây khó chịu cho da hoặc viêm da. Dựa trên dữ liệu kiểm tra các vật liệu tương tự về mặt cấu trúc. (các) phương pháp thử nghiệm tương đương hoặc tương tự như Hướng dẫn của OECD (Tổ Chức Hợp Tác và Phát Triển Kinh Tế) 404 |
| Mắt | |
| Tổn Thương Mắt Nghiêm Trọng/Kích ứng (Thỏ): Dữ liệu có sẵn | Có thể gây khó chịu nhẹ cho mắt trong thời gian ngắn. Dựa trên dữ liệu kiểm tra các vật liệu tương tự về mặt cấu trúc. (các) phương pháp thử nghiệm tương đương hoặc tương tự như Hướng dẫn của OECD (Tổ Chức Hợp Tác và Phát Triển Kinh Tế) 405 |
| Gây mẫn cảm | |
| Gây Mẫn Cảm Đường Hô Hấp: Không có tiêu chí đánh giá cho vật liệu này. | Không được xem là chất gây mẫn cảm đường hô hấp. |
| Gây Mẫn Cảm Da: Dữ liệu có sẵn. | Không được xem là chất gây mẫn cảm da. Dựa trên dữ liệu kiểm tra các vật liệu tương tự về mặt cấu trúc. (các) phương pháp thử nghiệm tương đương hoặc tương tự như Hướng dẫn của OECD (Tổ Chức Hợp Tác và Phát Triển Kinh Tế) 406 |
| Sặc vào phổi: Dữ liệu có sẵn. | Có thể tử vong nếu nuốt phải và xâm nhập vào đường hô hấp. Dựa trên các tính chất lý-hóa của vật liệu. |
| Khả Năng Gây Đột Biến Tế Bào Mầm: Dữ liệu có sẵn. | Không được xem là chất gây đột biến tế bào mầm. Dựa trên dữ liệu kiểm tra các vật liệu tương tự về mặt cấu trúc. (các) phương pháp thử nghiệm tương đương hoặc tương tự như Hướng dẫn của OECD (Tổ Chức Hợp Tác và Phát Triển Kinh Tế) Không có phương pháp thử nghiệm. 471 473 474 476 |
| Khả năng gây ung thư: Dữ liệu có sẵn. | Không được xem là gây ung thư. Dựa trên dữ liệu kiểm tra các vật liệu tương tự về mặt cấu trúc. (các) phương pháp thử nghiệm tương đương hoặc tương tự như Hướng dẫn của OECD (Tổ Chức Hợp Tác và Phát Triển Kinh Tế) 451 453 |
| Độc Tính Sinh Sản: Dữ liệu có sẵn. | là Không được xem là chất độc sinh sản. Dựa trên dữ liệu kiểm tra các vật liệu tương tự về mặt cấu trúc. (các) phương pháp thử nghiệm tương đương hoặc tương tự như Hướng dẫn của OECD (Tổ Chức Hợp Tác và Phát Triển Kinh Tế) Không có phương pháp thử nghiệm. 414 415 421 |
| Thời kỳ cho con bú: Không có tiêu chí đánh giá cho vật liệu này. | Không được xem là gây hại cho trẻ đang bú mẹ. |
| Độc Tính Cơ Quan Mục Tiêu Cụ Thể (STOT) | |
| Tiếp Xúc Một Lần: Không có tiêu chí đánh giá cho vật liệu này. | Không được xem là gây tổn thương cho cơ quan khi tiếp xúc một lần. |
| Tiếp Xúc Lặp Lại: Dữ liệu có sẵn. | Không được xem là gây tổn thương cho cơ quan khi tiếp xúc kéo dài hoặc nhiều lần. Dựa trên dữ liệu kiểm tra các vật liệu tương tự về mặt cấu trúc. (các) phương pháp thử nghiệm tương đương hoặc tương tự như Hướng dẫn của OECD (Tổ Chức Hợp Tác và Phát Triển Kinh Tế) Không có phương pháp thử nghiệm. 408 410 411 412 453 |

THÔNG TIN KHÁC

Cho bản thân sản phẩm.:

Tiếp xúc lâu dài và / hoặc nhiều lần với da các vật liệu độ nhớt thấp có thể gây mất chất nhờn cho da dẫn đến có thể bị kích ứng hoặc viêm da. Lượng nhỏ chất lỏng hít vào phổi trong khi ăn phải hoặc nôn ra có thể gây viêm phổi do hóa chất hoặc phù phổi.

Chứa:

Dầu gốc được tinh chế theo yêu cầu khắt khe: Không gây ung thư trong các nghiên cứu trên động vật. Vật liệu đại

Tên sản phẩm: MOBILECT 44
Ngày sửa đổi: 11 Tháng Mười Một 2020
Trang 10 thuộc 12

diện đạt chỉ tiêu kiểm tra thử nghiệm IP-346, chỉ tiêu kiểm tra thử nghiệm Ames sửa đổi, và/hoặc các chỉ tiêu kiểm tra thử nghiệm sàng lọc khác. Các nghiên cứu trên da và đường hô hấp cho thấy có tác dụng ảnh hưởng rất ít; thâm nhiễm không đặc trưng qua phổi vào các tế bào hệ miễn dịch, kết tụ chất béo và rất ít hình thành u hạt. Không gây mẫn cảm trong các thử nghiệm trên động vật.

Phân loại của CƠ QUAN NGHIÊN CỨU UNG THƯ CỦA TỔ CHỨC Y TẾ THẾ GIỚI:
Các thành phần sau được trích dẫn vào các danh mục dưới đây: Không.

--CÁC QUY ĐỊNH CẦN TÌM--

| | | |
|--|---|---|
| 1 = CƠ QUAN NGHIÊN CỨU UNG THƯ CỦA TỔ CHỨC Y TẾ THẾ GIỚI 1 | 2 = CƠ QUAN NGHIÊN CỨU UNG THƯ CỦA TỔ CHỨC Y TẾ THẾ GIỚI 2A | 3 = CƠ QUAN NGHIÊN CỨU UNG THƯ CỦA TỔ CHỨC Y TẾ THẾ GIỚI 2B |
|--|---|---|

MỤC 12 THÔNG TIN VỀ SINH THÁI

Thông tin đã nêu được dựa theo dữ liệu của vật liệu, thành phần của vật liệu, hoặc vật liệu tương tự, bằng cách áp dụng các nguyên lý bắc cầu.

ĐỘC TÍNH VỀ MẶT SINH THÁI

Vật liệu -- Không được xem là có hại cho thủy sinh vật

TÍNH LINH ĐỘNG

Vật liệu -- Ít tan và nổi được và được xem là có thể trôi dạt từ nước đến mặt đất. Được xem là có thể phân tách thành cặn lắng và các chất rắn trong nước thải
Vật liệu -- Khả năng di chuyển trong đất kém.

TÍNH BỀN VÀ KHẢ NĂNG PHÂN HỦY BỞI VI SINH VẬT

Phân hủy bởi vi sinh vật:

Vật liệu -- Được xem là vốn có tính bị phân hủy bởi vi sinh vật

KHẢ NĂNG TÍCH TỤ TRONG CƠ THỂ

Vật liệu -- Có khả năng tích tụ trong cơ thể, tuy nhiên các tính chất vật lý hoặc chuyển hoá trong cơ thể có thể làm giảm nồng độ hoạt động sinh học hoặc giới hạn khả năng sẵn sàng hoạt động sinh học.

MỤC 13 XEM XÉT VỀ VIỆC THẢI BỎ

Các khuyến nghị việc thải bỏ dựa trên tài liệu như đã được cung cấp. Việc thải bỏ phải tuân theo các quy định và luật pháp hiện hành đang áp dụng, và đặc tính của vật liệu vào lúc thải bỏ.

KHUYẾN NGHỊ VỀ VIỆC THẢI BỎ

Sản phẩm thích hợp dùng để đốt trong lò kín có kiểm soát để làm nhiên liệu hoặc thải bỏ bằng cách đốt cháy có giám sát ở nhiệt độ rất cao để tránh tạo thành các sản phẩm cháy không mong muốn.

Cảnh báo về bình chứa rỗng NỘI DUNG NHÃN ĐỀ PHÒNG: Bình chứa rỗng có thể vẫn còn cặn dư và có thể gây nguy hiểm. KHÔNG ÉP, CẮT, HÀN, KHOAN, MÀI HOẶC ĐỀ CÁC BÌNH CHỨA TIẾP XÚC VỚI NHIỆT, LỬA, TIA LỬA ĐIỆN, MÔI TRƯỜNG TÍNH ĐIỆN, HOẶC CÁC NGUỒN GÂY CHÁY; CHÚNG CÓ THỂ NỔ VÀ GÂY THƯƠNG TẬT HOẶC TỬ VONG. Đừng cố gắng tái nạp hoặc làm sạch bình chứa đựng vì cặn dư rất khó loại bỏ. Các

Tên sản phẩm: MOBILECT 44
Ngày sửa đổi: 11 Tháng Mười Một 2020
Trang 11 thuộc 12

phụ sử dụng xong phải được tháo xả cho hết hoàn toàn, bịt kín đúng cách và lập tức chuyển trả cho nơi tu sửa phục hồi phụ. Mọi bình chứa phải được thải bỏ theo cách an toàn đối với môi trường và phù hợp với các qui định của chính quyền.

MỤC 14 THÔNG TIN VỀ VẬN CHUYỂN

ĐẤT : Không được qui định cho việc vận chuyển bằng đường bộ

Qui định về vận chuyển đường biển đối với các hàng hóa gây nguy hiểm (IMDG): Không được qui định cho việc vận chuyển bằng đường biển theo IMDG

Chất gây ô nhiễm biển: Không

AIR (IATA): Không được qui định cho việc vận chuyển bằng máy bay

MỤC 15 THÔNG TIN QUI ĐỊNH

Vật liệu này được xem là nguy hiểm theo Luật Hóa Chất.

TÌNH TRẠNG QUI ĐỊNH VÀ CÁC LUẬT VÀ QUI ĐỊNH HIỆN HÀNH

Được nêu hoặc được miễn nêu/thông báo trong các danh mục hóa chất sau đây (Có thể chứa (những) chất phải thông báo vào danh mục chất có hoạt động theo Đạo Luật về Kiểm Soát Chất Độc (TSCA) của Cơ Quan Bảo Vệ Môi Trường Hoa Kỳ (EPA) trước khi nhập khẩu vào Hoa Kỳ):
AIIIC, DSL, ENCS, IECSC, ISHL, KECI, PICCS, TCSI, TSCA

MỤC 16 THÔNG TIN KHÁC

N/D = không xác định, N/A = không áp dụng

DIỄN GIẢI CÁC MÃ HIỂM HỌA (H-CODE) NẾU TẠI MỤC 3 CỦA TÀI LIỆU NÀY (chỉ dùng để tham khảo):

H304: Độc hại nghiêm trọng khi nuốt phải và xâm nhập vào đường hô hấp; Hít Phải, Nhóm 1

H400: Rất độc cho các thủy sinh vật; Độc Cấp Tính Cho Môi Trường, Nhóm 1

H410: Rất độc cho các thủy sinh vật với các tác dụng lâu dài; Độc Lâu Dài Cho Môi Trường, Nhóm 1

BẢN THÔNG TIN AN TOÀN (VẬT LIỆU) NÀY CÓ CHỨA CÁC PHẦN SỬA ĐỔI SAU:

Thành phần: Bảng Thành Phần thông tin đã được sửa.
Phân Loại Về Tác Dụng Trên Sức Khỏe Theo GHS đã bổ sung thông tin.
Phân Loại Về Tác Dụng Trên Sức Khỏe Theo GHS thông tin đã được xóa.
Hiểm Họa Sức Khỏe Theo GHS đã bổ sung thông tin.
Hiểm Họa Sức Khỏe Theo GHS thông tin đã được xóa.
Biểu Tượng Cho Tác Dụng Trên Sức Khỏe Theo GHS đã bổ sung thông tin.
Biểu Tượng Cho Tác Dụng Trên Sức Khỏe Theo GHS thông tin đã được xóa.
Tiêu Ngữ Đề Phòng GHS – Thái Bỏ đã bổ sung thông tin.
Tiêu Ngữ Đề Phòng GHS – Thái Bỏ thông tin đã được xóa.
Tiêu Ngữ Đề Phòng GHS – Ứng Phó đã bổ sung thông tin.
Tiêu Ngữ Đề Phòng GHS – Ứng Phó thông tin đã được xóa.

Tên sản phẩm: MOBILECT 44

Ngày sửa đổi: 11 Tháng Mười Một 2020

Trang 12 thuộc 12

Tiêu Ngữ Đề Phòng GHS – Bảo Quản thông tin đã được xóa.
Tiêu Ngữ Đề Phòng GHS – Bảo Quản đã bổ sung thông tin.
Từ Cảnh Báo GHS đã bổ sung thông tin.
Từ Cảnh Báo GHS thông tin đã được xóa.
Nhận Diện Hiểm Họa: AP – Tiêu Ngữ Hiểm Họa - GHS đã bổ sung thông tin.
Nhận Diện Hiểm Họa: AP – Tiêu Ngữ Hiểm Họa - GHS thông tin đã được xóa.
Nhận diện các mối nguy hiểm: Mối nguy hiểm vật lý/hóa học đã bổ sung thông tin.
Nhận diện các mối nguy hiểm: Mối nguy hiểm vật lý/hóa học thông tin đã được xóa.
Mục 01: Mô tả sản phẩm thông tin đã được sửa.
Mục 04: Sơ cấp cứu khi tiếp xúc với da thông tin đã được sửa.
Mục 08: Bảng Giới Hạn Tiếp Xúc thông tin đã được sửa.
Mục 09: Nhiệt Độ Sôi C(F) thông tin đã được sửa.
Mục 09: Màu thông tin đã được sửa.
Mục 09: Điểm Bốc Cháy C(F) thông tin đã được sửa.
Mục 09: Nhiệt độ đông đặc C (F) thông tin đã được sửa.
Mục 09: Nhiệt Độ Rót C(F) thông tin đã được sửa.
Mục 09: Tỷ trọng thông tin đã được sửa.
Mục 09: Áp Suất Hơi đã bổ sung thông tin.
Mục 09: Độ Nhớt thông tin đã được sửa.
Mục 11: Hướng Dẫn Thử Nghiệm Chất Gây Đột Biến Gien thông tin đã được sửa.
Mục 11: Kết Luận Về Kích Ứng Da thông tin đã được sửa.
Section 12: Thông Tin Về Sinh Thái - Khả Năng Tích Tụ Trong Cơ Thể thông tin đã được sửa.
Mục 12: thông tin về sinh thái – Khả Năng Bị Phân Hủy Bởi Vi Sinh Vật thông tin đã được sửa.
Mục 12: thông tin về sinh thái – Tính chất linh động đã bổ sung thông tin.
Mục 12: thông tin về sinh thái – Tính chất linh động thông tin đã được sửa.
Mục 12: bảng độc tính đối với môi trường trong mục 12 thông tin đã được xóa.
Mục 15: Danh Mục Hóa Chất Quốc Gia thông tin đã được sửa.
Mục 15: Tiêu Ngữ Hiểm Họa của Đài Loan đã bổ sung thông tin.
Mục 15: Tiêu Ngữ Hiểm Họa của Đài Loan thông tin đã được xóa.
Mục 16: TÊN TRUY CẬP MSN, MAT thông tin đã được sửa.

Thông tin và các khuyến nghị trong tài liệu này, theo sự hiểu biết và tin tưởng nhất của ExxonMobil's, là chính xác và đáng tin cậy tính đến thời gian phát hành. Bạn có thể liên hệ ExxonMobil để được chắc chắn rằng tài liệu này là tài liệu gần đây nhất của ExxonMobil. Thông tin và các khuyến nghị được cung cấp cho người sử dụng để kiểm tra và xem xét. Trách nhiệm của người sử dụng là tự quyết định xem sản phẩm có phù hợp với mục đích sử dụng hay không. Nếu người mua đóng gói lại sản phẩm này, thì trách nhiệm của người sử dụng là phải bảo đảm các tài liệu hướng dẫn phù hợp về sức khỏe, an toàn và các thông tin cần thiết khác phải được kèm theo với và/hoặc trên bình chứa. Các cảnh báo phù hợp và các qui trình thao tác an toàn phải được cung cấp cho người thao tác và người sử dụng. Nghiêm cấm sửa đổi tài liệu này. Ngoại trừ trường hợp pháp luật yêu cầu, việc tái xuất bản hoặc tái chuyển tải tài liệu này, một phần hay toàn bộ, là không được phép. Thuật ngữ "ExxonMobil" được sử dụng cho mục đích tiện lợi, và có thể bao gồm bất kỳ một hoặc nhiều các thuật ngữ ExxonMobil Chemical, ExxonMobil Corporation, hoặc bất kỳ các công ty thành viên nào mà các công ty này gián tiếp hoặc trực tiếp có quyền lợi liên quan

DGN: 2011414XVN (1031120)
